

---

UNIT 9 – WORLD ENGLISHES

---

## TEST 01

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

Question 1: A. reason B. consist C. establish D. question

**Đáp án: A**

**Giải thích:**

A. reason /'ri:zən/

B. consist /kən'sist/

C. establish /ɪ'stæb.lɪʃ/

D. question /'kwes.tʃən/

Question 2: A. vocabulary B. standard C. language D. grammatical

**Đáp án: D**

**Giải thích:**

A. vocabulary /və'kæb.jə.lər.i/

B. standard /'stæn.dərd/

C. language /'læŋ.gwɪdʒ/

D. grammatical /grə'mæt.ɪ.kəl/

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

Question 3: A. collection B. energy C. finally D. equity

**Đáp án: A**

**Giải thích:**

A. collection /kə'lek.ʃən/ (trọng âm âm tiết 2)

B. energy /'en.ə.dʒi/ (trọng âm âm tiết 1)

C. finally /'faɪ.nəl.i/ (trọng âm âm tiết 1)

D. equity /'ek.wɪ.ti/ (trọng âm âm tiết 1)

Question 4: A. bilingual B. concentric C. connection D. entity

**Đáp án: D**

**Giải thích:**

A. bilingual /baɪ'liŋ.gwəl/ (trọng âm âm tiết 2)

B. concentric /kən'sen.trɪk/ (trọng âm âm tiết 2)

C. connection /kə'nek.ʃən/ (trọng âm âm tiết 2)

D. entity /'en.tɪ.ti/ (trọng âm âm tiết 1)

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

**Question 5:** One example of \_\_\_\_\_ world is the word “ballet”, which comes from French.

- A. Lent                                      **B. borrowed**                                      C. compound                                      D. foreign

**Đáp án: B**

**Giải thích:** “Borrowed word” (từ vay mượn) phù hợp với từ “ballet” từ tiếng Pháp.

**Dịch nghĩa:** Một ví dụ về từ vay mượn là “ballet”, từ tiếng Pháp.

**Question 6:** Another way of conceptualizing learning in English is to view it through the lens of the various \_\_\_\_\_ of the subject.

- A. Rules                                      **B. varieties**                                      C. standards                                      D. models

**Đáp án: B**

**Giải thích:** “Varieties” (các biến thể) phù hợp với cách tiếp cận khái niệm học tiếng Anh.

**Dịch nghĩa:** Một cách khác để khái niệm hóa việc học tiếng Anh là xem qua lăng kính của các biến thể của môn học.

**Question 7:** Our school invited some famous \_\_\_\_\_ to be the judges for an English debating contest.

- A. Coaches                                      **B. linguists**                                      C. doctors                                      D. accountants

**Đáp án: B**

**Giải thích:** “Linguists” (nhà ngôn ngữ học) phù hợp với làm giám khảo cuộc tranh luận tiếng Anh.

**Dịch nghĩa:** Trường chúng tôi mời một số nhà ngôn ngữ học nổi tiếng làm giám khảo cho cuộc tranh luận tiếng Anh.

**Question 8:** Many English words have origins \_\_\_\_\_ trace back to Latin and French.

- A. Who                                      **B. which**                                      C. whose                                      D. whom

**Đáp án: B**

**Giải thích:** “Which” chỉ vật, thay cho “origins” (nguồn gốc mà theo dấu về Latin và French).

**Dịch nghĩa:** Nhiều từ tiếng Anh có nguồn gốc theo dấu về Latin và French.

**Question 9:** Linguists \_\_\_\_\_ analyse the historical development and variations.

- A. Whose English language they study  
**B. Who study the English language**  
C. That they study the English language  
D. Studied the English language

**Đáp án: B**

**Giải thích:** Mệnh đề quan hệ “who study” định nghĩa linguists (nhà ngôn ngữ học nghiên cứu tiếng Anh).

**Dịch nghĩa:** Nhà ngôn ngữ học nghiên cứu tiếng Anh phân tích sự phát triển lịch sử và biến đổi.

**Question 10: Minh:** “I heard you have a big presentation tomorrow. \_\_\_\_\_.”

**Linda:** “Thank you so much.”

- A. I promise I’ll try my best                                      C. I appreciate your effort  
**B. I wish you all the best of luck**                                      D. Don’t worry about me

**Đáp án: B****Giải thích:** “I wish you all the best of luck” (chúc bạn may mắn) phù hợp với lời chúc trước bài thuyết trình.**Dịch nghĩa:**

Minh: Mình nghe bạn có bài thuyết trình lớn ngày mai. Chúc bạn may mắn.

Linda: Cảm ơn nhiều.

**Question 11:** The article was about the different varieties \_\_\_\_\_ English spoken throughout the world.

A. In

**B. of**

C. from

D. among

**Đáp án: B****Giải thích:** “Varieties of English” (các biến thể của tiếng Anh).**Dịch nghĩa:** Bài báo về các biến thể của tiếng Anh được nói trên thế giới.**Question 12:** Susan \_\_\_\_\_ bit of Korean when she was living here.

A. Looked up

B. went over

**C. picked up**

D. took in

**Đáp án: C****Giải thích:** “Picked up” (học lỏm) phù hợp với học một chút tiếng Hàn khi sống ở đây.**Dịch nghĩa:** Susan học lỏm một chút tiếng Hàn khi sống ở đây

*Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 13 to 16.*

**The Importance of Learning English**

Learning English is very important (13) \_\_\_\_\_ today's world. It helps you talk with people from many different countries and makes traveling and working abroad easier. Additionally, (14) \_\_\_\_\_ English opens doors to many good schools and educational resources, allowing you (15) \_\_\_\_\_ a wide range of information and opportunities. Being able to speak English can also (16) \_\_\_\_\_ your chances of getting a better job and advancing in your career.

**Question 13:** **A. on**

B. in

C. at

D. by

**Đáp án: B****Giải thích:** “In today's world” (trong thế giới ngày nay) là cụm cố định.**Dịch nghĩa:** Học tiếng Anh rất quan trọng trong thế giới ngày nay.**Question 14:** A. the

B. a

C. an

**D. X****Đáp án: D****Giải thích:** “Knowing English” (biết tiếng Anh) không cần mạo từ.**Dịch nghĩa:** Biết tiếng Anh mở ra cửa cho nhiều trường tốt...**Question 15:** **A. to access**

B. access

C. accessing

D. to accessing

**Đáp án: A****Giải thích:** “Allowing you to access” (cho phép bạn tiếp cận) là cấu trúc đúng.**Dịch nghĩa:** ...cho phép bạn tiếp cận một loạt thông tin và cơ hội rộng lớn.**Question 16:** **A. improve**

B. improved

C. improving

D. improves

**Đáp án: A****Giải thích:** “Can improve” (có thể cải thiện) là động từ nguyên thể sau “can”.**Dịch nghĩa:** Có thể cải thiện cơ hội của bạn để có công việc tốt hơn...**Tạm dịch bài đọc***Tầm quan trọng của việc học tiếng Anh*

*Học tiếng Anh rất quan trọng (13) trong thế giới ngày nay. Nó giúp bạn nói chuyện với người từ nhiều quốc gia khác nhau và làm cho du lịch và làm việc nước ngoài dễ dàng hơn. Ngoài ra, (14) biết tiếng Anh mở cửa cho nhiều trường tốt và tài nguyên giáo dục, cho phép bạn (15) tiếp cận một loạt thông tin và cơ hội rộng lớn. Có thể nói tiếng Anh cũng có thể (16) cải thiện cơ hội của bạn để có công việc tốt hơn và thăng tiến trong sự nghiệp.*

**Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions 17.**

**Dear Jane,**

- a. Moreover, schools are setting up English clubs and language exchange events for students to practice.
- b. Besides normal classes, many villages now use mobile apps and online tools to help people learn English.
- c. Next, I want to tell you about learning English in rural areas of Vietnam.
- d. First, I hope you are doing well.

A. d-b-a-c

B. d-c-a-b

**C. d-c-b-a**

D. d-a-c-b

**Đáp án: C****Giải thích:****d.** Câu này là lời chào, phù hợp làm mở đầu.**c.** Câu này giới thiệu chủ đề (học tiếng Anh ở nông thôn), tiếp nối lời chào.**b.** Besides” bổ sung ý**a.** Câu này bổ sung về câu lạc bộ và sự kiện trao đổi ngôn ngữ, phù hợp làm kết thúc.

**Dịch nghĩa:** Đầu tiên, mình hy vọng bạn khỏe. Tiếp theo, mình muốn kể cho bạn về việc học tiếng Anh ở khu vực nông thôn Việt Nam. Bên cạnh lớp học thông thường, nhiều làng giờ sử dụng ứng dụng di động và công cụ trực tuyến để giúp mọi người học tiếng Anh. Hơn nữa, trường học đang thiết lập câu lạc bộ tiếng Anh và sự kiện trao đổi ngôn ngữ cho học sinh thực hành.

**Question 18. Choose the sentence that most appropriately ends the text (in question 17)**

**A. Finally, these new ideas are really helping people improve their English skills.**

B. Finally, English is hard to use for mostly Vietnamese people

C. Finally, English contributes to the development of tourism in rural areas.

D. Finally, students are using English more than their mother tongue.

**Đáp án: A****Giải thích:** Câu A tổng kết tích cực về việc cải thiện kỹ năng tiếng Anh, phù hợp làm câu kết thúc đoạn văn

về học tiếng Anh ở nông thôn.

**Dịch nghĩa:** Cuối cùng, những ý tưởng mới này thực sự giúp mọi người cải thiện kỹ năng tiếng Anh.

**Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each numbered blank from 19 to 24.**

English is a (19) \_\_\_\_\_ language spoken by a lot of people around the world. Approximately 1.5 billion people speak English as a native or as a second language. However, when it comes to understanding the difference between American English (AE) and British English (BE), it is not uncommon to find even native-English speakers getting (20) \_\_\_\_\_.

One of (21) \_\_\_\_\_ differences between BE and AE is in terms of vocabulary. In the UK, for example, they call it a *flat*, while in America it's an *apartment*. British go on *holiday*, while Americans go on *vacation*. Some of the other common words like *trousers*, *lorry*, *university* and *chips* come under BE while for AE they correspond to *pants*, *truck*, *college* and *fries*.

Another significant difference is the (22) \_\_\_\_\_ of certain words, such as *color* in AE instead of *colour* in BE. Verbs that are spelt with *ize* or *ise* in BE are always spelt as *ize* in AE. For example, it is *apologize* or *apologise* in BE but in AE, it is always *apologize*.

Aside from spelling and vocabulary, there are certain grammar differences between BE and AE. For instance, in AE, collective nouns are considered singular (e.g. The band is playing). In contrast, collective nouns can be (23) \_\_\_\_\_ singular or plural in BE, although the plural form is most often used (e.g. The band are playing). The British are also more likely to use formal speech, such as *shall*, whereas Americans (24) \_\_\_\_\_ the more informal *will* or *should*.

**Question 19:** A. modern                      B. regional                      **C. global**                      D. national

**Đáp án: C**

**Giải thích:** “Global” (toàn cầu) phù hợp với ngôn ngữ được nói bởi nhiều người trên thế giới.

**Dịch nghĩa:** Tiếng Anh là một ngôn ngữ toàn cầu được nói bởi nhiều người trên thế giới.

**Question 20:** A. confusing                      B. confusion                      C. confusable                      **D. confused**

**Đáp án: C**

**Giải thích:** “Global” (toàn cầu) phù hợp với ngôn ngữ được nói bởi nhiều người trên thế giới.

**Dịch nghĩa:** Tiếng Anh là một ngôn ngữ toàn cầu được nói bởi nhiều người trên thế giới.

**Question 21:** A. more evident                      **B. the most evident**                      C. the least evident                      D. less evident

**Đáp án: B**

**Giải thích:** “The most evident” (rõ ràng nhất) phù hợp với sự khác biệt chính.

**Dịch nghĩa:** Một trong những sự khác biệt rõ ràng nhất...

**Question 22:** A. pronunciation                      B. rythm                      C. intonation                      **D. spelling**

**Đáp án: D**

**Giải thích:** “Spelling” (chính tả) phù hợp với sự khác biệt như color/colour.

**Dịch nghĩa:** Một sự khác biệt đáng kể khác là chính tả của một số từ...

**Question 23:** A. both                      B. only                      C. neither                      **D. either**

**Đáp án: D****Giải thích:** “Either singular or plural” (có thể số ít hoặc số nhiều).**Dịch nghĩa:** Danh từ tập thể có thể số ít hoặc số nhiều trong BE.**Question 24:** A. favour

B. dislike

C. ignore

D. disagree

**Đáp án: A****Giải thích:** “Favour” (thích) phù hợp với người Mỹ thích dùng will or should không trang trọng.**Dịch nghĩa:** Người Anh có khả năng sử dụng lời nói trang trọng hơn, như shall, trong khi người Mỹ thích dùng will hoặc should không trang trọng hơn.**Tạm dịch bài đọc**

Tiếng Anh là một ngôn ngữ (19) **toàn cầu** được nói bởi nhiều người trên thế giới. Khoảng 1.5 tỷ người nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ hoặc như ngôn ngữ thứ hai. Tuy nhiên, khi nói đến việc hiểu sự khác biệt giữa tiếng Anh Mỹ (AE) và tiếng Anh Anh (BE), không hiếm khi thấy ngay cả người bản xứ cũng bị (20) **nhầm lẫn**. Một trong những sự khác biệt (21) **rõ ràng nhất** giữa BE và AE là về từ vựng. Ở Anh, ví dụ, họ gọi là flat, trong khi ở Mỹ là apartment. Người Anh đi holiday, trong khi người Mỹ đi vacation. Một số từ phổ biến khác như trousers, lorry, university và chips thuộc BE trong khi với AE chúng tương ứng với pants, truck, college và fries. Một sự khác biệt đáng kể khác là (22) **chính tả** của một số từ, như color trong AE thay vì colour trong BE. Động từ được viết với ize hoặc ise trong BE luôn viết là ize trong AE. Ví dụ, apologize hoặc apologise trong BE nhưng trong AE luôn là apologize. Bên cạnh chính tả và từ vựng, có một số sự khác biệt ngữ pháp giữa BE và AE. Ví dụ, trong AE, danh từ tập thể được coi là số ít (ví dụ The band is playing). Ngược lại, danh từ tập thể có thể (23) **cả số ít hoặc số nhiều** trong BE, mặc dù dạng số nhiều thường được dùng (ví dụ The band are playing). Người Anh cũng có khả năng sử dụng lời nói trang trọng hơn, như shall, trong khi người Mỹ (24) **thích** dùng will hoặc should không trang trọng hơn.

**Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.**

**Question 25:** Let's do a revision these grammar structures before you take the test.

A. Let's pick up these grammar structures before you take the test.

B. Why don't you learn by heart these grammar structures before you take the test?

C. Why don't you go over these grammar structures before you take the test?

D. Let's look up these grammar structures before you take the test.

**Đáp án: C****Giải thích:** “Do a revision” (ôn lại) tương đương với “go over” (ôn lại).**Dịch nghĩa:** Tại sao không ôn lại các cấu trúc ngữ pháp này trước khi bạn làm bài kiểm tra?**Question 26:** Chau can speak both English and Japanese perfectly.

A. Chau is bilingual in English and Japanese.

B. Chau is good at learning both English and Japanese.

C. Chau can use perfect English and Japanese.

D. Chau practises speaking English and Japanese regularly.

**Đáp án: A****Giải thích:** “Speak both... perfectly” tương đương với “bilingual” (song ngữ).**Dịch nghĩa:** Châu là người song ngữ tiếng Anh và tiếng Nhật.



Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

**Question 27:** When/ arrive/ guide/ tell/ story/ a cruel king.

- A. When arriving, the guide was telling the story about a cruel king.
- B. When we arrived, the guide was telling the story about a cruel king.
- C. When we were arriving, the guide told the story about a cruel king.
- D. When to arrive, a guide was telling the story about a cruel king.

**Đáp án: B**

**Giải thích:** “When we arrived” (khi chúng tôi đến), thì quá khứ tiếp diễn “was telling” đúng.

**Dịch nghĩa:** Khi chúng tôi đến, hướng dẫn viên đang kể chuyện về một vị vua tàn bạo.

**Question 28:** You/shouldn't/ look/ the meaning/ all the words/ when reading/ text.

- A. You shouldn't look for the meaning of all the word when reading a text.
- B. You shouldn't look over the meaning all the words when reading a text.
- C. You shouldn't look up the meaning of all the words when reading a text.
- D. You shouldn't look after the meaning all the words while reading a text.

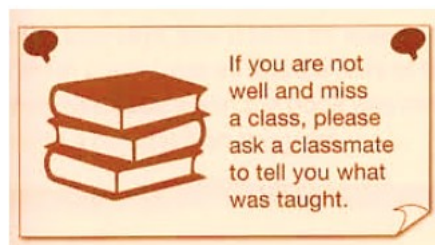
**Đáp án: C**

**Giải thích:** “Look up” (tra cứu) phù hợp với tra nghĩa từ khi đọc văn bản.

**Dịch nghĩa:** Bạn không nên tra nghĩa tất cả các từ khi đọc văn bản.

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

**Question 29:** Who is this message for?



- A. Pupils who are feeling not well.
- B. Pupils who couldn't go to a lesson.
- C. Pupils who would like to help their friends.
- D. The student does not study.

**Đáp án: B**

**Giải thích:** Thông báo dành cho người miss a class nghĩa là không đi học

**Dịch nghĩa:** Thông báo dành cho người không thể đi học

**Question 30:** What should the club members do?



- A. Bring food to cook on the picnic.
- B. Takes lots of photos at the picnic.
- C. Tell Tom if they want to go on the picnic
- D. Have a barbecue on the picnic.

**Đáp án: A.**

**Giải thích:** Bring something for the barbecue-drink provided.

**Dịch nghĩa:** Mang đồ ăn đi để nấu cho buổi cắm

*Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 31 to 36.*

### English as a global language

People often talk about English as a global language or lingua franca. With more than 350 million people around the world speaking English as a first language and more than 430 million speaking it as a second language, there are English speakers in most countries around the world. Why is English so popular, though? And why has it become a global language?

People often call English the international language of business, and it's increasingly true as international trade expands every year, bringing new countries into contact. Most multinational companies require a certain degree of English proficiency from potential employees so in order to get a position with a top company, more and more people are learning English.

If your ambitions lie in science or medicine, you can't neglect English either. Much of the technical terminology is based on English words, and if you want to learn about the latest developments and discoveries from around the world, you'll read about them in journals and research reports published in English, no matter whether the scientists who wrote them are from China or Norway.

If you want a career in travel, English is absolutely **essential**. As the international language of aviation, pilots and cabin crew all need to speak English. Even if you're not up in the air, speaking English accurately will ensure you are able to communicate with clients and suppliers all over the world.

So, what's stopping you from learning this global language? With all the English resources available on the internet and so many other English speakers around the world to practice with, there's never been a better time to start learning English. Pick up a book, learn a few words, or even start a course today and take your first steps towards becoming one of nearly 800 million English speakers in the world.

(Adapted from: [englishlive.ef.com/blog/english-in-the-real-world](http://englishlive.ef.com/blog/english-in-the-real-world))

**Question 31:** What is the main idea of the passage?

- A. The history of the English language
- B. Why English is a global language and its importance in various fields.**
- C. How many people speak English worldwide
- D. The challenges of learning English as a second language

**Đáp án: B**

**Giải thích:** Toàn bài nói về lý do tại sao tiếng Anh trở thành ngôn ngữ toàn cầu và tầm quan trọng của nó trong kinh doanh, khoa học, y học, du lịch.

**Dịch nghĩa:** Ý chính của bài đọc là: Tại sao tiếng Anh lại là ngôn ngữ toàn cầu và tầm quan trọng của nó trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

**Question 32:** Why do more and more people are learning English?

- A. Be hired by a top company**
- B. Expand international trade
- C. Require a certain degree
- D. Make contact with foreigners.



**Đáp án: A**

**Giải thích:** Đoạn 2: “Most multinational companies require ... so in order to get a position with a top company, more and more people are learning English.”

**Dịch nghĩa:** Ngày càng nhiều người học tiếng Anh để được tuyển dụng vào các công ty hàng đầu.

**Question 33:** The noun “steps” used in the phrase “take your first steps” means \_\_\_\_\_.

- A. Movements      **B. actions**      C. feet      D. stages

**Đáp án: B**

**Giải thích:** “take your first steps” = bắt đầu làm điều gì đó → “steps” mang nghĩa hành động, không phải bước chân thật.

**Dịch nghĩa:** “Steps” trong cụm từ “take your first steps” nghĩa là hành động.

**Question 34:** Which of the following statements is NOT TRUE in the passage?

- A. Speaking English fluently is necessary even if you are on the ground staff  
 B. You can learn English from online resources or other English speakers.  
**C. It's better to take online English classes than physical classes.**  
 D. There are nearly 800 million English speakers, both as first and second language.

**Đáp án: C**

**Giải thích:** Trong bài không hề nói “học online tốt hơn học trực tiếp”, chỉ nói có nhiều tài nguyên trên internet. → C sai, là đáp án đúng.

**Dịch nghĩa:** Câu không đúng trong bài là: Học tiếng Anh trực tuyến tốt hơn học trực tiếp.

**Question 35:** Why is English important if you want to pursue a medical career?

- A. Because all journals of the world are published in English  
 B. Because most medical researches are written by English scientists  
 C. Because medicine conferences are often held in English  
**D. Because many medical terms are English.**

**Đáp án: D**

**Giải thích:** Đoạn 3: “Much of the technical terminology is based on English words ...” → nhiều thuật ngữ y học dựa trên từ tiếng Anh.

**Dịch nghĩa:** Tiếng Anh quan trọng trong ngành y vì nhiều thuật ngữ y học có nguồn gốc từ tiếng Anh.

**Question 36:** The word “essential” is OPPOSITE in meaning to \_\_\_\_\_.

- A. Important      B. vital      C. crucial      **D. worthless**

**Đáp án: D**

**Giải thích:** “Essential” = cần thiết, quan trọng. Từ trái nghĩa → “worthless” (vô giá trị).

**Dịch nghĩa:** Từ “essential” trái nghĩa với “worthless” (vô giá trị).

**Tạm dịch bài đọc**

Tiếng Anh như một ngôn ngữ toàn cầu

*Người ta thường nói về tiếng Anh như một ngôn ngữ toàn cầu hay “lingua franca” (ngôn ngữ chung). Với hơn 350 triệu người trên thế giới nói tiếng Anh như ngôn ngữ mẹ đẻ và hơn 430 triệu người dùng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, gần như ở quốc gia nào cũng có người nói tiếng Anh. Nhưng tại sao tiếng Anh lại phổ biến đến vậy? Và vì sao nó trở thành ngôn ngữ toàn cầu? Tiếng Anh thường được gọi là ngôn ngữ quốc tế*

*của kinh doanh, và điều này ngày càng đúng khi thương mại quốc tế mở rộng mỗi năm, kéo theo sự kết nối của nhiều quốc gia mới. Hầu hết các tập đoàn đa quốc gia đều yêu cầu ứng viên phải có trình độ tiếng Anh nhất định, nên để giành được vị trí trong các công ty hàng đầu, ngày càng nhiều người học tiếng Anh. Nếu mục tiêu của bạn nằm trong khoa học hay y học, bạn cũng không thể bỏ qua tiếng Anh. Phần lớn thuật ngữ chuyên ngành đều dựa trên từ tiếng Anh, và nếu muốn tìm hiểu về những tiến bộ, phát hiện mới nhất trên thế giới, bạn sẽ đọc chúng trong các tạp chí, báo cáo nghiên cứu bằng tiếng Anh, bất kể các nhà khoa học viết ra chúng đến từ Trung Quốc hay Na Uy. Nếu bạn muốn theo đuổi sự nghiệp trong ngành du lịch, thì tiếng Anh lại càng cần thiết. Là ngôn ngữ quốc tế của hàng không, phi công và tiếp viên hàng không đều phải biết tiếng Anh. Thậm chí nếu bạn không làm việc trên bầu trời, việc nói tiếng Anh chuẩn xác sẽ đảm bảo bạn giao tiếp được với khách hàng và nhà cung cấp trên toàn thế giới.*

*Vậy, điều gì đang ngăn cản bạn học ngôn ngữ toàn cầu này? Với vô số tài nguyên học tiếng Anh trên internet và hàng trăm triệu người nói tiếng Anh trên thế giới để bạn luyện tập cùng, chưa bao giờ có thời điểm nào tốt hơn để bắt đầu học tiếng Anh. Hãy cầm lấy một cuốn sách, học vài từ mới, hoặc thậm chí đăng ký một khóa học ngay hôm nay và thực hiện những bước đầu tiên để trở thành một trong gần 800 triệu người nói tiếng Anh trên thế giới.*

**Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 37 to 40.**

Face-to-face conversation is a two-way process. You speak to me, (37) \_\_\_\_\_. Two-way communication depends on having a coding system that is understood by both sender and receiver, and an agreed convention about signaling the beginning and end of the message. (38) \_\_\_\_\_; the convention that one person speaks at a time may seem too obvious to mention. In fact, the signals used in conversation and meetings are often non-verbal. (39) \_\_\_\_\_. A sharp intake of breath may signal the desire to interrupt, catching the chairman's eye may indicate the desire to speak in a formal setting like a debate, a clenched fist may indicate anger. (40) \_\_\_\_\_

- A. For example, lowering the pitch of the voice may mean the end of a sentence.
- B. When these visual signals are not possible, more formal signals may be needed.
- C. I reply to you and so on
- D. In speech, the coding system is the language like English or Spanish

**Question 37: C**

**Question 38: D**

**Question 39: A**

**Question 40: B**

**Câu 37**

**Đáp án: C**

**Giải thích:** “You speak to me, I reply to you and so on” hợp logic của “two-way process”;

**Câu 38**

**Đáp án: D**

**Giải thích:** “In speech, the coding system is the language like English or Spanish” giải thích rõ coding system;

**Câu 39**

**Đáp án: A**

**Giải thích:** “For example, lowering the pitch of the voice may mean the end of a sentence” minh họa non-verbal signals;

**Câu 40****Đáp án: B**

**Giải thích:** “When these visual signals are not possible, more formal signals may be needed” chốt vấn đề khi không có visual signals.

**Tạm dịch bài đọc**

*Giao tiếp trực diện là một quá trình hai chiều. Bạn nói với tôi, tôi đáp lại bạn, cứ thế tiếp diễn. Giao tiếp hai chiều phụ thuộc vào việc có một hệ thống mã hóa được cả người gửi và người nhận hiểu, cùng một quy ước chung về tín hiệu bắt đầu và kết thúc thông điệp. Trong giao tiếp, hệ thống mã hóa chính là ngôn ngữ như tiếng Anh hay tiếng Tây Ban Nha; quy ước rằng chỉ một người nói tại một thời điểm có vẻ quá hiển nhiên để nhắc đến. Thực tế, các tín hiệu được dùng trong trò chuyện và các cuộc họp thường là phi ngôn ngữ. Ví dụ, hạ thấp giọng có thể báo hiệu kết thúc câu. Một hơi thở gấp có thể cho thấy mong muốn ngắt lời, giao ánh mắt với chủ tọa có thể biểu thị mong muốn phát biểu trong bối cảnh trang trọng như tranh luận, một nắm đấm siết chặt có thể cho thấy sự tức giận. Khi những tín hiệu thị giác này không khả thi, các tín hiệu trang trọng hơn có thể được sử dụng.*

**UNIT 9 – WORLD ENGLISHES**

## TEST 02

*Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.*

**Question 1:** A. discussion                      B. funuction                      **C. fluent**                      D. unstressed

A. discussion /dɪ'skʌʃ.ən/

B. function /'fʌŋk.tʃən/

C. fluent /'flu:.ənt/

D. unstressed /ʌn'strest/

**Đáp án: C**

**Question 2:** **A. examples**                      B. languages                      C. stresses                      D. sentences

A. examples /ɪg'zɑ:m.pəlz/

B. languages /'læŋ.gwɪ.dʒɪz/

C. stresses /'stres.ɪz/

D. sentences /'sen.tənsɪz/

**Đáp án: A**

*Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.*

**Question 3:** **A. aggression**                      B. medical                      C. rarity                      D. confident

A. aggression /ə'grɛʃ.ən/ (nhấn âm 2)

B. medical /'med.ɪ.kəl/ (nhấn âm 1)

C. rarity /'reə.rə.ti/ (nhấn âm 1)

D. confident /'kɒn.fɪ.dənt/ (nhấn âm 1)

**Đáp án: A**

**Question 4:** **A. information**                      B. administer                      C. facility                      D. theoretical

A. information /,ɪn.fə'meɪ.ʃən/ (nhấn âm 3)

B. administer /əd'mɪn.ɪ.stər/ (nhấn âm 2)

C. facility /fə'sɪl.ə.ti/ (nhấn âm 2)

D. theoretical /θɪ'əret.ɪ.kəl/ (nhấn âm 2)

**Đáp án: A**

*Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.*

**Question 5:** My sister decided to learn \_\_\_\_\_ English to improve his communication skills.

**A. Standard**

B. fluent

C. foreign

D. especial

**Đáp án: A. Standard**

**Giải thích:** “Standard English” = tiếng Anh chuẩn.

**Dịch nghĩa:** Chị gái tôi quyết định học tiếng Anh chuẩn để cải thiện kỹ năng giao tiếp.

**Question 6:** There are many \_\_\_\_\_ of English spoken around the world, each with its own unique accents and dialects.

- A. Languages                      B. translations                      C. skills                      **D. varieties**

**Đáp án: D. varieties**

**Giải thích:** “Varieties of English” = các biến thể của tiếng Anh. “Languages” sai vì nói về nhiều ngôn ngữ; “translations” = bản dịch; “skills” = kỹ năng.

**Dịch nghĩa:** Có nhiều biến thể của tiếng Anh được nói trên khắp thế giới, mỗi loại có giọng điệu và phương ngữ riêng.

**Question 7:** We paid extra for the VIP package tour \_\_\_\_\_ provided us with an English tour guide.

- A. Which**                      B. whose                      C. who                      D. whom

**Đáp án: A. which**

**Giải thích:** “tour which provided us...” → “which” thay cho “the tour” (chủ ngữ). “whose” dùng cho sở hữu, “who/whom” dùng cho người.

**Dịch nghĩa:** Chúng tôi trả thêm tiền cho gói tour VIP, cái mà đã cung cấp cho chúng tôi một hướng dẫn viên tiếng Anh.

**Question 8:** You don’t need to interrupt your reading to look up every unfamiliar word right away – it’s better to \_\_\_\_\_ first.

- A. Master                      B. copy                      C. translate                      **D. guess**

**Đáp án: D. guess**

**Giải thích:** Khi đọc, tốt hơn hết là đoán nghĩa của từ mới trước thay vì tra ngay. Các từ còn lại không đúng ngữ cảnh.

**Dịch nghĩa:** Bạn không cần phải dừng đọc để tra từng từ mới – tốt hơn hết là đoán trước.

**Question 9:** Many learners find English \_\_\_\_\_ the most difficult to master because the spelling and sound of words can be different.

- A. Grammar                      B. reading                      C. listening                      **D. pronunciation**

**Đáp án: D. pronunciation**

**Giải thích:** Khó nhất với người học tiếng Anh là phát âm, vì cách viết và cách đọc khác nhau.

**Dịch nghĩa:** Nhiều người học thấy rằng phát âm tiếng Anh là phần khó nhất để thành thạo vì cách viết và cách đọc có thể khác nhau.

**Question 10:** Before you submit your essay, remember to go \_\_\_\_\_ the spelling.

- A. Over**                      B. up                      C. into                      D. on

**Đáp án: A. over**

**Giải thích:** “go over” = xem lại, kiểm tra lại. Các giới từ khác sai nghĩa.

**Dịch nghĩa:** Trước khi nộp bài luận, hãy nhớ kiểm tra lại chính tả

**Question 11: Jane:** “ I know you are applying for English speaking club. Break a leg!”

**Lien:** “ \_\_\_\_\_ ”

- A. Thanks. I’ll try my best**                      C. Sure, I like that club very much  
B. Thank you. Welcome to the club                      D. Yes, I feel better now.

**Đáp án: A. Thanks. I'll try my best**

**Giải thích:** “Break a leg” = chúc may mắn → đáp lại bằng “Cảm ơn, tôi sẽ cố hết sức”. Các lựa chọn khác không phù hợp.

**Dịch nghĩa:** Jane: “Tôi biết cậu đang đăng ký vào CLB tiếng Anh. Chúc may mắn nhé!”

Lien: “Cảm ơn. Tôi sẽ cố gắng hết sức.”

**Question 12:** She's fluent \_\_\_\_\_ Polish and French and can speak a little Italian.

A. On

B. at

**C. in**

D. from

**Đáp án: C. in**

**Giải thích:** Cấu trúc: “be fluent in + language” = thông thạo ngôn ngữ nào.

**Dịch nghĩa:** Cô ấy thông thạo tiếng Ba Lan và tiếng Pháp và có thể nói một chút tiếng Ý.

*Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 13 to 16.*

### English Center Opening

We are excited to open our new English Language Center!

We offer course for all levels, from beginners to (13) \_\_\_\_\_. Our friendly teachers will help you with speaking, listening, reading and writing.

Join us now to enjoy special discounts and free trial classes. For more details, visit our (14) \_\_\_\_\_ website or call us at 0963499933. We are looking forward (15) \_\_\_\_\_ you

Let's start learning together (16) \_\_\_\_\_ our new center!

**Question 13:** A. advance

**B. advanced**

C. advancing

D. advancement

**Đáp án: B.**

**Giải thích:** “from beginners to advanced” là cụm chuẩn để chỉ mức độ học từ cơ bản đến nâng cao. “advance, advancing, advancement” đều không phù hợp về ngữ pháp/ý nghĩa.

**Dịch nghĩa:** từ người mới bắt đầu đến nâng cao.

**Question 14:** A. a

B. an

C. the

**D. X**

**Đáp án: D**

**Giải thích:** “visit our website” → có our nên không cần mạo từ

**Dịch nghĩa:** truy cập trang web chính thức của chúng tôi.

**Question 15:** A. to meet

B. meeting

**C. to meeting**

D. meet

**Đáp án: C**

**Giải thích:** “look forward to + V-ing” là cấu trúc đúng

**Dịch nghĩa:** chúng tôi rất mong được gặp bạn.

**Question 16:** A. at

**B. in**

C. on

D. by

**Đáp án: B**

**Giải thích:** Cụm “in our new center” mới đúng để chỉ địa điểm.

**Dịch nghĩa:** tại trung tâm mới của chúng tôi.

**Tạm dịch bài đọc**



*Chúng tôi rất vui mừng thông báo mở Trung tâm Tiếng Anh mới!*

*Chúng tôi cung cấp các khóa học cho mọi trình độ, từ người mới bắt đầu đến nâng cao. Giáo viên thân thiện sẽ giúp bạn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.*

*Hãy tham gia ngay để nhận ưu đãi đặc biệt và các lớp học thử miễn phí. Để biết thêm chi tiết, hãy truy cập trang web của chúng tôi hoặc gọi 0963499933. Chúng tôi mong được gặp bạn.*

*Hãy cùng nhau bắt đầu học tập tại trung tâm mới của chúng tôi!*

**Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions 17.**

- a. Firstly, English is widely used in Vietnam for international business and tourism
- b. In addition, many schools in Vietnam teach English as a second language from an early age.
- c. For instance, English is often used in popular tourist destinations, such as Hanoi and Ho Chi Minh City.
- d. Moreover, English proficiency helps Vietnamese people connect with the global community and access international resources.

A. a-c-b-d

B. a-b-c-d

C. a-b-d-c

D a-d-b-c

**Đáp án: A**

a. Firstly: mở đầu bằng lý do chung

c. For instance: ví dụ minh họa cho câu chủ đề.

b. In addition: Chi tiết bổ sung.

d. Moreover + tổng kết việc học tiếng anh

**Dịch nghĩa:** Thứ nhất, tiếng Anh được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam trong kinh doanh quốc tế và du lịch. Ví dụ, tiếng Anh thường được dùng ở các điểm đến du lịch nổi tiếng như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, nhiều trường học ở Việt Nam dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ thứ hai từ khi còn nhỏ. Hơn nữa, khả năng tiếng Anh giúp người Việt kết nối với cộng đồng toàn cầu và tiếp cận nguồn tài nguyên quốc tế.

**Question 18. Choose the sentence that most appropriately ends the text (in question 17)**

A. As well as, leaning English can bring more chances for students.

B. To sum up, only students who learn English can be successful in the future.

C. Therefore, learning English can provide valuable opportunities for students and professionals in Vietnam.

D. As a result, more English schools and centres should be built for studying and teaching.

**Đáp án: C**

**Giải thích:** Phương án C phù hợp nhất để kết thúc đoạn vì nó tổng kết lợi ích của việc học tiếng Anh và giữ giọng văn trang trọng, mạch lạc.

**Dịch nghĩa:** Vì vậy, việc học tiếng Anh có thể mang lại nhiều cơ hội quý giá cho học sinh và các chuyên gia ở Việt Nam.

**Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each numbered blank from 19 to 24.**

When learning a new language, it's important to communicate with native speakers. This helps you pick up their pronunciation and get used (19) \_\_\_\_\_ different accents. Sometimes, you might figure out what a

word means from the context. If you aren't sure, don't hesitate to (20) \_\_\_\_\_ the word in a dictionary or even translate it back to your own language to get a clue.

But remember that everyone may make mistakes when learning something new! In fact, making mistakes is an important part of the learning process. It shows you where you need to focus. Don't be afraid to practise with native speakers, even (21) \_\_\_\_\_ you have difficulty (22) \_\_\_\_\_ yourself. They'll likely appreciate your efforts and be happy to give your tips.

Learning a new language can be a journey with (23) \_\_\_\_\_. It's a process that requires patience, practice and persistence. It's not about perfection, but progress. Keep communicating, keep making mistakes, and keep learning and our efforts will pay off. Conversations in your new (24) \_\_\_\_\_ will become second nature, and you'll surprise yourself with your confidence.

**Question 19:** A. to B. with C. for D. in

**Đáp án: A**

**Giải thích:** "Get used to" (làm quen với) là cụm cố định.

**Dịch nghĩa:** Điều này giúp bạn học phát âm và làm quen với các giọng khác nhau.

**Question 20:** A. give up B. write down C. look up D. get by

**Đáp án: C**

**Giải thích:** "Look up" (tra cứu) phù hợp với tra từ trong từ điển.

**Dịch nghĩa:** Nếu không chắc, đừng ngần ngại tra từ trong từ điển...

**Question 21:** A. though B. as C. how D. if

**Đáp án: D**

**Giải thích:** "Even if" (ngay cả nếu) chỉ điều kiện.

**Dịch nghĩa:** Đừng sợ thực hành với người bản xứ, ngay cả nếu bạn khó bày tỏ mình.

**Question 22:** A. express B. expressing C. expressed D. to express

**Đáp án: B**

**Giải thích:** "Difficulty expressing" (khó bày tỏ), V-ing sau "difficulty".

**Dịch nghĩa:** ...khó bày tỏ bản thân.

**Question 23:** A. dark and light B. ups and downs C. black and white D. facts and figures

**Đáp án: B**

**Giải thích:** "Ups and downs" (thăng trầm) phù hợp với hành trình học ngôn ngữ.

**Dịch nghĩa:** Học ngôn ngữ mới có thể là hành trình với thăng trầm.

**Question 24:** A. tone B. stress C. pronunciation D. tongue

**Đáp án: D**

**Giải thích:** "Tongue" (ngôn ngữ) phù hợp với "new tongue" (ngôn ngữ mới).

**Dịch nghĩa:** Cuộc trò chuyện trong ngôn ngữ mới của bạn sẽ trở nên tự nhiên.

### Tạm dịch bài đọc

*Khi học một ngôn ngữ mới, điều quan trọng là phải giao tiếp với người bản xứ. Điều này giúp bạn học cách phát âm của họ và làm quen với những giọng khác nhau. Đôi khi, bạn có thể đoán được ý nghĩa của một từ dựa vào ngữ cảnh. Nếu bạn không chắc chắn, đừng ngần ngại tra cứu từ đó trong từ điển hoặc thậm chí dịch lại sang ngôn ngữ mẹ đẻ của bạn để tìm gợi ý. Nhưng hãy nhớ rằng ai cũng có thể mắc lỗi khi học một điều gì mới! Thực tế, mắc lỗi là một phần quan trọng trong quá trình học tập. Nó cho bạn biết mình cần tập trung*

vào đầu. Đừng sợ thực hành với người bản xứ, ngay cả khi bạn gặp khó khăn trong việc bày tỏ bản thân. Họ rất có thể sẽ trân trọng nỗ lực của bạn và vui vẻ đưa ra lời khuyên. Học một ngôn ngữ mới có thể là một hành trình với nhiều thăng trầm. Đó là một quá trình đòi hỏi sự kiên nhẫn, luyện tập và bền bỉ. Không phải là về sự hoàn hảo, mà là về sự tiến bộ. Hãy tiếp tục giao tiếp, tiếp tục mắc lỗi và tiếp tục học hỏi, và nỗ lực của bạn sẽ được đền đáp. Những cuộc trò chuyện bằng ngôn ngữ mới của bạn sẽ trở nên tự nhiên, và bạn sẽ ngạc nhiên với sự tự tin của chính mình.

**Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.**

**Question 25:** I don't know any Korean.

- A. Korean is too hard for me to study.
- B. My Korean is a bit rusty.
- C. I am quite bad at Korean
- D. I can't speak a word of Korean

**Đáp án: D**

**Giải thích:** "Don't know any Korean" (không biết tiếng Hàn nào) tương đương với "can't speak a word of Korean" (không nói được từ tiếng Hàn nào).

**Dịch nghĩa:** Tôi không nói được từ tiếng Hàn nào.

**Question 26:** Duong learned a few words of Thai on holiday.

- A. Duong picked up a few words of Thai on holiday.
- B. Duong went on a holiday to Thailand to learn Thai.
- C. Duong looked up a few words of Thai on holiday.
- D. Duong had a short conversation in Thai during his holiday in Thailand.

**Đáp án: A**

**Giải thích:** "Learned a few words" tương đương với "picked up a few words" (học lỏm vài từ).

**Dịch nghĩa:** Dương học lỏm vài từ tiếng Thái trong kỳ nghỉ.

**Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.**

**Question 27:** They/ translate/ that book/ many languages

- A. They translated that book with many languages.
- B. They are translated that book into many languages.
- C. They are translating that book to many languages.
- D. They have translated that book into many languages.

**Đáp án: D**

**Giải thích:** Thì hiện tại hoàn thành "have translated" đúng với việc dịch sách sang nhiều ngôn ngữ. "Into" đúng với dịch sang.

**Dịch nghĩa:** Họ đã dịch quyển sách đó sang nhiều ngôn ngữ.

**Question 28:** other languages/ English/ always/ change/ but/ change/ slowly

- A. Like other languages, English is always changing, but it changes very slowly.
- B. As other languages, English is always changing, and it changes very slowly.
- C. Other languages like English is always changing, but it changes slowly.

D. Like other languages, English is always changing, but it will change very slowly.

**Đáp án: A**

**Giải thích:** “Like other languages” (như các ngôn ngữ khác), thì hiện tại tiếp diễn “is changing” đúng.

**Dịch nghĩa:** Như các ngôn ngữ khác, tiếng Anh luôn thay đổi, nhưng nó thay đổi rất chậm.

*Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.*

**Question 29: Look at the signs. Choose the best answer for the question.**



A. Dogs are not safe for children in this play area.

B. Dogs cannot be taken into this place as it is a children's play area.

C. Don't let your children play here because of the dogs.

D. Dogs are not allowed to play with children in this area.

**Đáp án: B**

**Giải thích:** Biển báo cấm mang chó vào khu chơi trẻ em.

**Dịch nghĩa:** Chó không được mang vào nơi này vì đây là khu chơi của trẻ em.

**Question 30: Look at the signs. Choose the best answer for the question.**



A. Please take off your shoes when entering this place.

B. You don't have to wear shoes in this place.

C. Please put on your shoes when entering this place.

D. You can't buy any shoes in this place.

**Đáp án: A**

**Giải thích:** Giày không được cho phép ở đâu đồng nghĩa với việc phải bỏ giày khi vào

**Dịch nghĩa:** Làm ơn cởi giày trước khi vào đây.

*Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 31 to 36.*

Learning a new language is always an excellent idea. It provides you incredible benefits that come with the backing of science! One of the most useful languages to learn is English.

Learning a second language is one of the best ways to keep your brain active and challenged. Studies have shown that the brain undergoes changes in electrical activity and even structure and size while learning a foreign language that do not occur when learning any other type of task or skill. Learning another language offers important **cognitive** benefits at any age, helping to keep the mind active and even reducing the risk of mental disease and slowing mental decline later in life.

When learning English as a second language, you approach new ways to think and express yourself through written and spoken words. Learning multiple languages can help you communicate more clearly in any language as you learn more about how language itself works and how to use it to promote ideas and reach out to others in a variety of social and work situations.

The world may not have a global language, but English is the default option for countless forms of communication across the globe. That's why one of the benefits of learning English is that it significantly boosts your hiring potential. In addition, It can offer you educational opportunities. If you desire access to some of the best schools like Harvard, Stanford, Oxford, Cambridge or MIT, then knowing English provides you an incredible **edge**. It's expected that around 2 billion people around the world will learn English over the next decade.

**Question 31: What is the main idea of the passage?**

- A. Ways to improve your English level
- B. How to keep your mind active
- C. The advantages and disadvantages of language learning
- D. The benefits of learning English**

**Đáp án: D**

**Giải thích:** Đoạn văn nhấn mạnh lợi ích của việc học tiếng Anh, từ não bộ đến cơ hội việc làm.

**Dịch nghĩa:** Ý chính là lợi ích của việc học tiếng Anh.

**Question 32: What is TRUE according to the text about learning English ?**

- A. It has a negative effect on the brain
- B. It slows the mental decline due to aging**
- C. It reduces brain function
- D. It lowers the risk of heart disease

**Đáp án: B**

**Giải thích:** Dẫn chứng: "slowing mental decline later in life".

**Dịch nghĩa:** Nó làm chậm sự suy giảm tinh thần do tuổi tác.

**Question 33: Learning multiple languages makes you a better communicator because \_\_\_\_\_.**

- A. you can improve your writing and speaking skills
- B. you know how to get the attention of someone
- C. you learn more about how to promote your ideas and make contact with others**
- D. you can communicate more effectively in your mother tongue

**Đáp án: C**

**Giải thích:** Dẫn chứng: "learn more about how language itself works and how to use it to promote ideas and reach out to others".

**Dịch nghĩa:** Học nhiều ngôn ngữ giúp bạn giao tiếp tốt hơn vì bạn học cách quảng bá ý tưởng và liên lạc với người khác.

**Question 34: The word "**cognitive**" in the second paragraph is CLOSEST in meaning to \_\_\_\_.**

- A. Mental
- B intellectual**
- C. emotional
- D. subjectives

**Đáp án: B**

**Giải thích:** "Cognitive" (nhận thức) đồng nghĩa với "intellectual" (trí tuệ).

**Dịch nghĩa:** Từ "cognitive" gần nghĩa với "intellectual".

**Question 35: What does the word **edge** used in the third paragraph mean?**

- A. Point
- B. border
- C. limit
- D. advantages**

**Đáp án: D****Giải thích:** “Edge” (lợi thế) đồng nghĩa với “advantage”.**Dịch nghĩa:** Từ “edge” nghĩa là lợi thế**Question 36:** What is NOT TRUE about the benefits of learning English?

- A. It helps prevent dementia and Alzheimer’s
- B. It provides better employment opportunities
- C. It’s easy to use in communication**
- D. It gives you access to the world’s best universities

**Đáp án: C****Giải thích:** Đoạn văn không đề cập tiếng Anh dễ sử dụng trong giao tiếp; các ý khác đều đúng.**Dịch nghĩa:** Nó dễ sử dụng trong giao tiếp là không đúng về lợi ích học tiếng Anh.**Tạm dịch bài đọc**

Học một ngôn ngữ mới luôn là ý tưởng tuyệt vời. Nó mang lại lợi ích đáng kinh ngạc được hỗ trợ bởi khoa học! Một trong những ngôn ngữ hữu ích nhất để học là tiếng Anh. Học ngôn ngữ thứ hai là một trong những cách tốt nhất để giữ não bộ hoạt động và thách thức. Các nghiên cứu cho thấy não bộ trải qua thay đổi trong hoạt động điện và thậm chí cấu trúc và kích thước khi học ngôn ngữ ngoại, điều không xảy ra khi học bất kỳ loại nhiệm vụ hoặc kỹ năng nào khác. Học ngôn ngữ khác mang lại lợi ích nhận thức quan trọng ở bất kỳ độ tuổi nào, giúp giữ tâm trí hoạt động và thậm chí giảm nguy cơ bệnh tâm thần và làm chậm suy giảm tinh thần sau này. Khi học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, bạn tiếp cận cách nghĩ và bày tỏ mới qua từ viết và nói. Học nhiều ngôn ngữ có thể giúp bạn giao tiếp rõ ràng hơn trong bất kỳ ngôn ngữ nào khi bạn học thêm về cách ngôn ngữ hoạt động và cách sử dụng nó để quảng bá ý tưởng và tiếp cận người khác trong nhiều tình huống xã hội và công việc. Thế giới có thể không có ngôn ngữ toàn cầu, nhưng tiếng Anh là lựa chọn mặc định cho vô số hình thức giao tiếp trên toàn cầu. Đó là lý do một trong lợi ích của học tiếng Anh là nó tăng đáng kể tiềm năng tuyển dụng của bạn. Ngoài ra, nó có thể mang lại cơ hội giáo dục. Nếu bạn mong muốn tiếp cận một số trường tốt nhất như Harvard, Stanford, Oxford, Cambridge hoặc MIT, thì biết tiếng Anh mang lại lợi thế đáng kinh ngạc. Dự kiến khoảng 2 tỷ người trên thế giới sẽ học tiếng Anh trong thập kỷ tới.

*Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 37 to 40.*

**ENGLISH SPELLING**

Why does English spelling have a reputation for being difficult? English was first written down when Christian monks came to England in Anglo-Saxon times. (37) \_\_\_\_\_. However, English has a wide range of basic sounds (over 40) than Latin. The alphabet was too small, and so combinations of letters were needed to express the different sounds. (38) \_\_\_\_\_.

With the Norman invasion of England, the English language was put at risk. English survived, (39) \_\_\_\_\_, and many French words were introduced into the language. (40) \_\_\_\_\_.

A - The result was more irregularity.

B – They used the 23 letters of Latin to write down the sounds of Anglo-Saxon speech as they heard it.

---



C – Inevitably, there were inconsistencies in the way that letters were combined.

D – but the spelling of many English words changed to follow French patterns.

Question 37: **B**

Question 38: **C**

Question 39: **D**

Question 40: **A**

**Câu 37.**

**Đáp án: B**

**Giải thích:** Câu này giải thích cách tiếng Anh được viết đầu tiên, phù hợp với lịch sử.

**Dịch nghĩa:** Họ sử dụng 23 chữ cái Latin để viết âm thanh của tiếng Anglo-Saxon như họ nghe.

**Câu 38.**

**Đáp án: C**

**Giải thích:** Câu này nói về sự không nhất quán, bổ sung cho việc kết hợp chữ cái.

**Dịch nghĩa:** Không thể tránh khỏi, có sự không nhất quán trong cách kết hợp chữ cái.

**Câu 39.**

**Đáp án: D**

**Giải thích:** Câu này nói về thay đổi chính tả theo mẫu Pháp, tiếp nối xâm lược Norman.

**Dịch nghĩa:** Nhưng chính tả của nhiều từ tiếng Anh thay đổi theo mẫu Pháp.

**Câu 40.**

**Đáp án: A**

**Giải thích:** Câu này kết luận kết quả (thêm bất quy tắc), phù hợp làm chốt.

**Dịch nghĩa:** Kết quả là thêm bất quy tắc.

**Tạm dịch bài đọc**

**CHÍNH TẢ TIẾNG ANH**

*Tại sao chính tả tiếng Anh có tiếng xấu là khó? Tiếng Anh được viết lần đầu khi các tu sĩ Kitô giáo đến Anh vào thời Anglo-Saxon. (37) Họ sử dụng 23 chữ cái Latin để viết âm thanh của tiếng Anglo-Saxon như họ nghe. Tuy nhiên, tiếng Anh có phạm vi âm cơ bản rộng (hơn 40) so với Latin. Bảng chữ cái quá nhỏ, nên cần kết hợp chữ cái để bày tỏ các âm khác nhau. (38) Không thể tránh khỏi, có sự không nhất quán trong cách kết hợp chữ cái. Với cuộc xâm lược Norman của Anh, ngôn ngữ tiếng Anh bị đe dọa. Tiếng Anh sống sót, (39) nhưng chính tả của nhiều từ tiếng Anh thay đổi theo mẫu Pháp. (40) Kết quả là thêm bất quy tắc.*